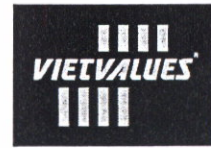


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phổ Quang, phường 9, Phú Nhuận.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

# **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

**REANDA**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

| Nội dung   | Trang   |
|--|---------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị   | 02 - 05 |
| 2. Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính   | 06      |
| 3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015  | 07 - 08 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 | 09      |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015           | 10      |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính<br>cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015        | 11 - 43 |
| 7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu   | 44 - 45 |

---



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

### **1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 17 ngày 10 tháng 04 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **• Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (8) 38 966 819
- Fax : + 84 (8) 38 963 210
- Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 4 6 2 6

#### **• Thông tin về chi nhánh**

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301333626-030; hạch toán phụ thuộc;
2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301333626-029; hạch toán phụ thuộc;
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301333626-028; hạch toán phụ thuộc;
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301333626-032; hạch toán phụ thuộc;
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-034; hạch toán phụ thuộc;
6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90, Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-040; hạch toán phụ thuộc;
7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-042; hạch toán phụ thuộc;
8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-019; hạch toán phụ thuộc;
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-037; hạch toán phụ thuộc;
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-046; hạch toán phụ thuộc;
11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-017; hạch toán phụ thuộc;



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301333626-009; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301333626-010; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301333626-011;
23. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301333626-012; hạch toán phụ thuộc;

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

## 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và ban Điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### 4.1 Hội đồng quản trị

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Hữu Thành | Chủ tịch   |                            | 16/07/2015      |
| Ông Ma Đức Tú        | Chủ tịch   | 16/07/2015                 |                 |
| Ông Nguyễn Cao Khải  | Thành viên | 30/03/2013                 |                 |
| Ông Dương Xuân Phát  | Thành viên |                            |                 |
| Ông Hoàng Đình Sơn   | Thành viên |                            | 16/07/2015      |

### 4.2. Ban kiểm soát

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn   | Trưởng ban | 30/03/2013                 |                 |
| Ông Võ Tuấn Hào       | Thành viên | 30/03/2013                 |                 |
| Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung | Thành viên | 30/03/2013                 |                 |

### 4.3. Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên             | Chức vụ        | Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|----------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Ma Đức Tú         | Giám đốc       |                            | 16/07/2015      |
| Ông Hoàng Đình Sơn    | Giám đốc       | 16/07/2015                 |                 |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Phó Giám đốc   | 04/04/2013                 |                 |
| Ông Phạm Ngọc Minh    | Phó Giám đốc   | 04/04/2013                 |                 |
| Ông Nguyễn Cao Khải   | Phó Giám đốc   | 05/11/2014                 |                 |
| Ông Viên Thiên Khanh  | Kế toán trưởng | 03/04/2013                 |                 |

## 5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên          | Chức vụ  | Ngày bỏ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------|----------|---------------|-----------------|
| Ông Ma Đức Tú      | Giám đốc |               | 16/7/2015       |
| Ông Hoàng Đình Sơn | Giám đốc | 16/7/2015     |                 |

## 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 45.

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 14/07/2015, Công ty đã thực hiện thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc. Ông Ma Đức Tú được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị thay cho ông Nguyễn Hữu Thành từ ngày 16/07/2015 và ông Hoàng Đình Sơn được bổ nhiệm làm Giám đốc, người đại diện pháp luật từ ngày 16/07/2015.

Ngày 21/07/2015, Công ty thực hiện thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 18, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

### 9. Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**MÃ ĐỨC TÚ**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015.

3031  
CÔ  
ÁCH N  
M TÔ  
:HU  
5-7F

Số: 2360/15/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kết quả công tác soát xét rằng, phạm vi của báo cáo tài chính này chỉ phản ánh tình hình tài chính và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cũng như kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015. Việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức với các công ty con, công ty liên kết không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



**Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKH số: 1512-2013-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKH số: 2141-2013-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1     | 2  | 3           | 4                      | 5                      |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>142.634.611.491</b> | <b>91.439.803.842</b>  |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | V.1         | <b>7.370.378.099</b>   | <b>10.186.496.434</b>  |
| 111   | 1. Tiền                                      |             | 7.370.378.099          | 10.186.496.434         |
| 120   | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | V.2a        | <b>22.696.513.827</b>  | <b>25.251.260.197</b>  |
| 121   | 1. Chứng khoán kinh doanh                    |             | 34.837.785.245         | 35.011.267.792         |
| 122   | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh  |             | (12.141.271.418)       | (9.760.007.595)        |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>47.985.469.723</b>  | <b>27.443.271.592</b>  |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | V.3         | 9.591.790.538          | 16.890.965.681         |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | V.4         | 31.328.725.980         | 6.774.242.188          |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | V.5         | 7.064.953.205          | 3.740.049.922          |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        |             | -                      | -                      |
| 139   | 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                   |             | -                      | 38.013.801             |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | V.6         | <b>64.253.883.556</b>  | <b>28.403.891.498</b>  |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                              |             | 64.253.883.556         | 28.403.891.498         |
| 142   | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)        |             | -                      | -                      |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>328.366.286</b>     | <b>154.884.121</b>     |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | V.7a        | 52.434.250             | 63.137.000             |
| 152   | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       |             | 275.932.036            | 91.747.121             |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  |             | -                      | -                      |
| 155   | 4. Tài sản ngắn hạn khác                     |             | -                      | -                      |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>197.903.677.469</b> | <b>194.252.607.884</b> |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>99.799.801.599</b>  | <b>94.286.244.124</b>  |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | V.9         | 46.052.072.225         | 39.899.137.566         |
| 222   | - Nguyên giá                                 |             | 88.723.180.437         | 79.207.086.221         |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | (42.671.108.212)       | (39.307.948.655)       |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                   | V.10        | 53.747.729.374         | 54.387.106.558         |
| 228   | - Nguyên giá                                 |             | 59.652.437.203         | 59.652.437.203         |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | (5.904.707.829)        | (5.265.330.645)        |
| 230   | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | V.11        | <b>26.115.452.109</b>  | <b>26.788.368.735</b>  |
| 231   | - Nguyên giá                                 |             | 32.608.661.486         | 32.608.661.486         |
| 232   | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | (6.493.209.377)        | (5.820.292.751)        |
| 240   | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | V.12        | <b>1.789.346.793</b>   | <b>4.362.375.796</b>   |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           |             | 1.789.346.793          | 4.362.375.796          |
| 250   | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | V.2b        | <b>68.308.721.309</b>  | <b>68.043.669.347</b>  |
| 251   | 1. Đầu tư vào công ty con                    |             | 68.490.722.600         | 68.490.722.600         |
| 253   | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            |             | 90.000.000             | 90.000.000             |
| 254   | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         |             | (272.001.291)          | (537.053.253)          |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              |             | <b>1.890.355.659</b>   | <b>771.949.882</b>     |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | V.7b        | 1.187.391.874          | 50.323.337             |
| 262   | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            |             | -                      | -                      |
| 268   | 3. Tài sản dài hạn khác                      | V.8         | 702.963.785            | 721.626.545            |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>340.538.288.960</b> | <b>285.692.411.726</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

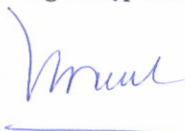
Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1          | 2  | 3           | 4                      | 5                      |
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          |             | <b>152.367.966.313</b> | <b>106.030.406.564</b> |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          |             | <b>132.619.643.535</b> | <b>84.631.784.333</b>  |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | V.13        | 38.667.175.435         | 30.373.550.068         |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | V.14        | 41.756.267.010         | 5.906.816.750          |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | V.15        | 1.959.022.459          | 1.597.900.504          |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                     | V.16        | 15.961.922.150         | 6.331.469.881          |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   |             | 8.105.122              | 28.880.959             |
| 318        | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn           | V.17a       | 312.000.000            | -                      |
| 319        | 7. Phải trả ngắn hạn khác                      | V.18a       | 7.468.697.559          | 4.823.333.018          |
| 320        | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | V.19        | 25.531.155.034         | 35.137.914.014         |
| 322        | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | V.20        | 955.298.766            | 431.919.139            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                          |             | <b>19.748.322.778</b>  | <b>21.398.622.231</b>  |
| 331        | 1. Phải trả người bán dài hạn                  |             | -                      | -                      |
| 332        | 2. Người mua trả tiền trước dài hạn            |             | -                      | -                      |
| 333        | 3. Chi phí phải trả dài hạn                    |             | -                      | -                      |
| 336        | 4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn            | V.17b       | 8.976.973.292          | 10.627.272.745         |
| 337        | 5. Phải trả dài hạn khác                       | V.18b       | 10.771.349.486         | 10.771.349.486         |
| 338        | 6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            |             | -                      | -                      |
| 341        | 7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả             |             | -                      | -                      |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       |             | <b>188.170.322.647</b> | <b>179.662.005.162</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | V.21        | <b>188.170.322.647</b> | <b>179.662.005.162</b> |
| 411        | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      |             | 124.000.000.000        | 124.000.000.000        |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 124.000.000.000        | 124.000.000.000        |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                        |             | 27.458.121.096         | 27.458.121.096         |
| 418        | 3. Quỹ đầu tư phát triển                       |             | 16.160.569.429         | 13.017.867.175         |
| 421        | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           |             | 20.551.632.122         | 15.186.016.891         |
| 421a       | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |             | 5.162.377.835          | 4.198.690.750          |
| 421b       | - LNST chưa phân phối kỳ này                   |             | 15.389.254.287         | 10.987.326.141         |
| <b>430</b> | <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     |             | <b>340.538.288.960</b> | <b>285.692.411.726</b> |

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015



Giám Đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

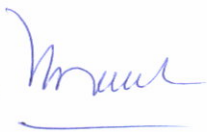
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2015 | 6 tháng đầu năm 2014 |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
| 1     | 2  | 3           | 4                    | 5                    |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | VI.1a       | 576.052.387.198      | 663.885.451.953      |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    |             | -                    | -                    |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 576.052.387.198      | 663.885.451.953      |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                | VI.2        | 522.472.482.602      | 638.973.343.265      |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 53.579.904.596       | 24.912.108.688       |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | VI.3        | 10.837.173.242       | 7.698.307.873        |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | VI.4        | 3.282.068.331        | 1.796.032.016        |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                        |             | 1.121.783.309        | 1.213.080.701        |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                                | VI.5        | 25.615.036.060       | 16.900.140.003       |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | VI.6        | 13.603.479.446       | 8.939.773.797        |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 21.916.494.001       | 4.974.470.745        |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                  | VI.7        | 293.615.701          | 7.636.808.348        |
| 32    | 12. Chi phí khác                                   | VI.8        | 230.805.818          | 81                   |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                                 |             | 62.809.883           | 7.636.808.267        |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 21.979.303.884       | 12.611.279.012       |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   |             | 2.771.891.386        | 1.409.241.965        |
| 52    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    |             | -                    | -                    |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       |             | 19.207.412.498       | 11.202.037.047       |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH



Giám Đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

| Mã số | Chỉ tiêu   | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2015    | 6 tháng đầu năm 2014   |
|-------|--|-------------|-------------------------|------------------------|
| 1     | 2  | 3           | 4                       | 5                      |
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |             |                         |                        |
| 01    | <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   |             | <b>21.979.303.884</b>   | <b>12.611.279.012</b>  |
|       | <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>   |             | <b>(2.608.653.855)</b>  | <b>(476.701.145)</b>   |
| 02    | - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư   |             | 5.047.453.367           | 4.426.753.272          |
| 03    | - Các khoản dự phòng   |             | 2.116.211.861           | 305.986.898            |
| 04    | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |             | -                       | -                      |
| 05    | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (10.894.102.392)        | (6.422.522.016)        |
| 06    | - Chi phí lãi vay  |             | 1.121.783.309           | 1.213.080.701          |
| 07    | - Các khoản điều chỉnh khác  |             | -                       | -                      |
| 08    | <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                    |             | <b>19.370.650.029</b>   | <b>12.134.577.867</b>  |
| 09    | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | (20.726.383.046)        | (2.238.403.863)        |
| 10    | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | (37.004.821.765)        | 2.698.515.414          |
| 11    | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)        |             | 56.074.655.863          | (15.127.571.536)       |
| 12    | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | 28.463.920              | 57.099.525             |
| 13    | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh   |             | 173.482.547             | -                      |
| 14    | - Tiền lãi vay đã trả  |             | (1.142.559.146)         | (1.139.450.701)        |
| 15    | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (1.543.153.230)         | (1.782.846.451)        |
| 16    | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  |             | 4.443.725.991           | 8.154.834.895          |
| 17    | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  |             | (2.002.500.000)         | (953.747.378)          |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       |             | <b>17.671.561.163</b>   | <b>1.803.007.772</b>   |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |             |                         |                        |
| 21    | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                          |             | (3.129.680.220)         | (148.899.011)          |
| 22    | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                       |             | 150.000.000             | 10.031.209             |
| 23    | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    |             | -                       | (81.542.760)           |
| 24    | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            |             | 160.092.914             | 759.410.699            |
| 25    | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | -                       | -                      |
| 26    | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | -                       | -                      |
| 27    | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     |             | 985.425.000             | 1.434.232.774          |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   |             | <b>(1.834.162.306)</b>  | <b>1.973.232.911</b>   |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |             |                         |                        |
| 31    | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             |             | -                       | -                      |
| 32    | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành |             | -                       | -                      |
| 33    | 3. Tiền thu từ đi vay  |             | 377.381.061.025         | 414.765.539.910        |
| 34    | 4. Tiền trả nợ gốc vay   |             | (386.987.820.005)       | (411.214.040.000)      |
| 35    | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  |             | -                       | -                      |
| 36    | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   |             | (9.046.758.212)         | (11.160.000.000)       |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  |             | <b>(18.653.517.192)</b> | <b>(7.608.500.090)</b> |
| 50    | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>   |             | <b>(2.816.118.335)</b>  | <b>(3.832.259.407)</b> |
| 60    | <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>   |             | <b>10.186.496.434</b>   | <b>17.104.471.750</b>  |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    |             | -                       | -                      |
| 70    | <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | V.1         | <b>7.370.378.099</b>    | <b>13.272.212.343</b>  |

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH



Giám Đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, kinh doanh bất động sản.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

##### 6. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

| Tên công ty   | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính            | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|---|---|---------------------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| 1. Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức             | 139B quốc lộ 1A, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh   | Kinh doanh xăng, dầu                  | 100%          | 100%                   | 100%          |
| 2. Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư                        | 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh  | Kinh doanh điện máy, điện tử gia dụng | 100%          | 100%                   | 100%          |
| 3. Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC                            | 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh | Kinh doanh xăng, dầu                  | 100%          | 100%                   | 100%          |
| 4. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duy Trung            | Ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương   | Kinh doanh xăng, dầu                  | 100%          | 100%                   | 100%          |
| 5. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt | 38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh   | Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới        | 83,33%        | 83,33%                 | 83,33%        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

| Tên đơn vị                                    | Địa chỉ   |
|---|---|
| 1. Trạm xăng dầu số 12                        | 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang   |
| 2. Trạm xăng dầu số 1                         | Đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương                              |
| 3. Trạm xăng dầu số 10                        | 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương                              |
| 4. Trạm xăng dầu số 14                        | Tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  |
| 5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2            | 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh                                     |
| 6. Trạm xăng dầu Long Bình                    | 90, Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh                                       |
| 7. Trạm xăng dầu số 6                         | 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh   |
| 8. Trạm xăng dầu số 3                         | 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh   |
| 9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy             | 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh   |
| 10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú               | 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh                                  |
| 11. Trạm xăng dầu số 1                        | 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh                                 |
| 12. Trạm xăng dầu Linh Xuân                   | 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh  |
| 13. Trạm xăng dầu số 7                        | 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh  |
| 14. Trạm xăng dầu Bình Thọ                    | 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh                                    |
| 15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy | 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh   |
| 16. Cửa hàng thương mại số 2                  | 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh                                 |
| 17. Trạm xăng dầu số 19                       | 54/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh                                       |
| 18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1           | 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh  |
| 19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A        | 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh   |
| 20. Cửa hàng xăng dầu Long Trường             | 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh  |
| 21. Cửa hàng xăng dầu số 5                    | 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh                                       |
| 22. Cửa hàng xăng dầu số 8                    | Thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương |
| 23. Cửa hàng xăng dầu số 9                    | 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh   |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 210 nhân viên đang làm việc.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2015.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.





## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 30       |
| Máy móc và thiết bị             | 06 - 08       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 09       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05       |

### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà                         | 15 - 25       |

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

### **Tài sản đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

### **Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### **17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

#### **18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

2017  
NG T  
HIỆM H  
IN VÀ  
ẢNH  
P. HỒ

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                   | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| - Tiền mặt                        | 149.819.916                 | 214.109.713                  |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.173.512.183               | 9.909.602.721                |
| - Tiền đang chuyển                | 47.046.000                  | 62.784.000                   |
| - Các khoản tương đương tiền      | -                           | -                            |
| <b>Cộng</b>                       | <u><u>7.370.378.099</u></u> | <u><u>10.186.496.434</u></u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

|   | Số cuối kỳ            |                       |                         | Số đầu năm            |                       |                        |
|---|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
|   | Giá gốc               | Giá trị hợp lý        | Dự phòng                | Giá gốc               | Giá trị hợp lý        | Dự phòng               |
| <b>Cổ phiếu</b>   |                       |                       |                         |                       |                       |                        |
| - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi    | 131.943.049           | 192.000.000           | -                       | 222.653.894           | 332.100.000           | -                      |
| - Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau                               | 1.076.032.114         | 910.000.000           | (166.032.114)           | 1.158.803.816         | 1.057.000.000         | (101.803.816)          |
| - Công ty CP Vật tư xăng dầu                                    | 585.538.344           | 774.000.000           | -                       | 585.538.344           | 634.250.000           | -                      |
| - Công ty CP Thép Pomina  | 5.191.965.240         | 1.264.800.000         | (3.927.165.240)         | 5.191.965.240         | 1.562.400.000         | (3.629.565.240)        |
| - Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC                              | 1.639.691.867         | 688.000.000           | (951.691.867)           | 1.639.691.867         | 856.000.000           | (783.691.867)          |
| - Công ty CP Thép Nhà Bè  | 1.185.000.000         | 264.500.000           | (920.500.000)           | 1.185.000.000         | 235.750.000           | (949.250.000)          |
| - Công ty CP Lương thực Vĩnh Long                               | 611.346.631           | 490.000.000           | (121.346.631)           | 611.346.631           | 600.000.000           | (11.346.631)           |
| - Công ty CP Thép Biên Hòa                                      | 997.500.000           | 259.875.000           | (737.625.000)           | 997.500.000           | 110.250.000           | (887.250.000)          |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                  | 82.177.000            | 98.168.200            | -                       | 82.177.000            | 56.413.400            | -                      |
| - Công Ty CP Vật Tư Hậu Giang <sup>(1)</sup>                    | 4.905.000.000         | 4.905.000.000         | -                       | 4.905.000.000         | 4.905.000.000         | -                      |
| - Công Ty CP Địa Ốc 9 <sup>(1)</sup>                            | 3.990.000.000         | 3.990.000.000         | -                       | 3.990.000.000         | 3.990.000.000         | -                      |
| - Công Ty CP Dệt Việt Thắng <sup>(1)</sup>                      | 677.500.000           | 677.500.000           | -                       | 677.500.000           | 677.500.000           | -                      |
| - Công Ty CP Dệt Đông Á <sup>(1)</sup>                          | 897.500.000           | 897.500.000           | -                       | 897.500.000           | 897.500.000           | -                      |
| - Công Ty CP XNK Vĩnh Long <sup>(1)</sup>                       | 339.000.000           | 339.000.000           | (339.000.000)           | 339.000.000           | 339.000.000           | -                      |
| - Ngân Hàng TMCP Phương Nam                                     | 1.975.220.000         | 512.336.000           | (1.462.884.000)         | 1.975.220.000         | 547.268.000           | -                      |
| - Công Ty CP Phong Phú <sup>(1)</sup>                           | 846.000.000           | 846.000.000           | -                       | 846.000.000           | 846.000.000           | -                      |
| - Công Ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec <sup>(1)</sup> | 4.186.371.000         | 4.186.371.000         | (3.454.968.610)         | 4.186.371.000         | 789.270.959           | (3.397.100.041)        |
| - Tổng Công Ty CP Thép Việt Nam <sup>(1)</sup>                  | 2.020.000.000         | 2.020.000.000         | (60.057.956)            | 2.020.000.000         | 2.148.353.602         | -                      |
| - Công Ty CP Pvoil Sài Gòn <sup>(1)</sup>                       | 3.500.000.000         | 3.500.000.000         | -                       | 3.500.000.000         | 3.500.000.000         | -                      |
| <b>Cộng</b>   | <b>34.837.785.245</b> | <b>26.815.050.200</b> | <b>(12.141.271.418)</b> | <b>35.011.267.792</b> | <b>24.084.055.961</b> | <b>(9.760.007.595)</b> |

<sup>(1)</sup> Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được tạm tính theo giá trị đầu tư (do không có giá giao dịch).

**Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:**

- Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi: giảm do bán bớt 11.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 140.488.460 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau: giảm do bán bớt 5.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 82.771.701 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:**

|                            | 6 tháng đầu<br>năm 2015 | 6 tháng đầu<br>năm 2014 |
|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số đầu năm                 | (9.760.007.595)         | (6.012.335.656)         |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (2.559.638.823)         | (1.200.000.000)         |
| Hoàn nhập dự phòng         | 178.375.000             | 294.013.102             |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>(12.141.271.418)</b> | <b>(6.918.322.554)</b>  |

**2b. Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác**

|   | Số cuối kỳ            |                       |                      | Số đầu năm            |                       |                      |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
|   | Giá gốc               | Giá trị hợp lý        | Dự phòng             | Giá gốc               | Giá trị hợp lý        | Dự phòng             |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>   | <b>68.490.722.600</b> | <b>68.490.722.600</b> | <b>(272.001.291)</b> | <b>68.490.722.600</b> | <b>68.490.722.600</b> | <b>(537.053.253)</b> |
| - Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức <sup>(1)(*)</sup>          | 38.100.000.000        | 38.100.000.000        | -                    | 38.100.000.000        | 38.100.000.000        | -                    |
| - Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư <sup>(2)</sup>                        | 15.000.000.000        | 15.000.000.000        | -                    | 15.000.000.000        | 15.000.000.000        | -                    |
| - Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC <sup>(3)(*)</sup>                         | 10.000.000.000        | 10.000.000.000        | -                    | 10.000.000.000        | 10.000.000.000        | -                    |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duy Trung <sup>(4)(*)</sup>         | 2.960.722.600         | 2.960.722.600         | -                    | 2.960.722.600         | 2.960.722.600         | -                    |
| - Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt <sup>(5)</sup> | 2.430.000.000         | 2.430.000.000         | (272.001.291)        | 2.430.000.000         | 2.430.000.000         | (537.053.253)        |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                                     | <b>90.000.000</b>     | <b>90.000.000</b>     | <b>-</b>             | <b>90.000.000</b>     | <b>90.000.000</b>     | <b>-</b>             |
| Công ty TNHH Ba tháng hai   | 90.000.000            | 90.000.000            | -                    | 90.000.000            | 90.000.000            | -                    |
| <b>Cộng</b>   | <b>68.580.722.600</b> | <b>68.580.722.600</b> | <b>(272.001.291)</b> | <b>68.580.722.600</b> | <b>68.580.722.600</b> | <b>(537.053.253)</b> |

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410206593 ngày 22/12/2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức với vốn điều lệ là 36.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 38.100.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 38.100.000.000 đồng, tương ứng 100% vốn điều lệ).

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309936059 ngày 22/04/2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH MTV ba mươi tháng tư với vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 15.000.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 15.000.000.000 đồng, tương ứng 100% vốn điều lệ).

(3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311530183 ngày 09/02/2012 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 10.000.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 10.000.000.000 đồng, tương ứng 100% vốn điều lệ).

(4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701877644 ngày 30/05/2011 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duy Trung với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.960.722.600 đồng, tương ứng nắm giữ 70,9% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.960.722.600 đồng, tương ứng 100% vốn điều lệ).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311346480 ngày 20/05/2013 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt với vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.430.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 83,33% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.430.000.000 đồng, tương ứng 83,33% vốn điều lệ).
- (\*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 32/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 11 năm 2014, Hội đồng quản trị quyết nghị kế hoạch năm 2015, cơ cấu tổ chức giải thể Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xăng dầu Bảo Duy Trung, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC. Sau khi giải thể thì các công ty con này sẽ tiếp tục hoạt động dưới hình thức là chi nhánh của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức. Hiện các Công ty này chưa được giải thể.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư công ty con**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

|                            | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Số đầu năm                 | (537.053.253)                   | (923.638.129)                   |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -                               | -                               |
| Hoàn nhập dự phòng         | 265.051.962                     | -                               |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>(272.001.291)</b>            | <b>(923.638.129)</b>            |

**Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

|  | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức             |                                 |                                 |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng</i>                  | 16.723.427.049                  | 47.961.008.455                  |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức cung cấp dịch vụ</i>          | 60.450.000                      | -                               |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng</i>                  | 418.727.742                     | -                               |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức ghi nhận cổ tức được chia</i> | 332.603.695                     | 601.881.712                     |
| - Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư                        |                                 |                                 |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng</i>                  | -                               | 969.955.410                     |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức cung cấp dịch vụ</i>          | 1.013.954.322                   | -                               |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức ghi nhận cổ tức được chia</i> | 1.389.231.545                   | 1.444.729.688                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|   | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |                      |                 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|----------------------|-----------------|
| - Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC   |                                 |                                 |                      |                 |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng</i>                               | 134.132.623.798                 | 16.316.183.372                  |                      |                 |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức cung cấp dịch vụ</i>                       | 1.234.327.432                   | -                               |                      |                 |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng</i>                               | 20.085.563.634                  | 32.769.081.818                  |                      |                 |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức ghi nhận cổ tức<br/>được chia</i>          | 7.022.344.160                   | 3.106.767.623                   |                      |                 |
| - Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị<br>Thành Thành Đạt           |                                 |                                 |                      |                 |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng</i>                               | -                               | 423.982.789                     |                      |                 |
| <i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức cung cấp dịch vụ</i>                       | 418.276.491                     | -                               |                      |                 |
| <b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>                              |                                 |                                 |                      |                 |
|   | <b>Số cuối kỳ</b>               | <b>Số đầu năm</b>               |                      |                 |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                                       | -                               | 10.174.399.833                  |                      |                 |
| - Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC   | -                               | 10.174.399.833                  |                      |                 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>                                     | 9.591.790.538                   | 6.716.565.848                   |                      |                 |
| <b>Cộng</b>   | <b>9.591.790.538</b>            | <b>16.890.965.681</b>           |                      |                 |
| <b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>                              |                                 |                                 |                      |                 |
|   | <b>Số cuối kỳ</b>               | <b>Số đầu năm</b>               |                      |                 |
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i>                                  | 28.477.270.000                  | -                               |                      |                 |
| - Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC   | 28.477.270.000                  | -                               |                      |                 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i>                                     | 2.851.455.980                   | 6.774.242.188                   |                      |                 |
| <b>Cộng</b>   | <b>31.328.725.980</b>           | <b>6.774.242.188</b>            |                      |                 |
| <b>5. Phải thu ngắn hạn</b>   |                                 |                                 |                      |                 |
|   | <b>Số cuối kỳ</b>               | <b>Số đầu năm</b>               |                      |                 |
|   | <b>Giá trị</b>                  | <b>Dự phòng</b>                 | <b>Giá trị</b>       | <b>Dự phòng</b> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                                       | 6.658.219.914                   | -                               | 3.234.640.521        | -               |
| - Công ty TNHH MTV Xăng<br>dầu TMC – cổ tức được chia                   | 5.789.369.276                   | -                               | 2.463.921.731        | -               |
| - Công ty TNHH MTV Ba mươi<br>tháng tư - cổ tức được chia               | 709.119.531                     | -                               | 507.271.811          | -               |
| - Công ty TNHH MTV Thương<br>mại Dịch vụ Song Đức - cổ tức<br>được chia | 147.431.507                     | -                               | 251.147.379          | -               |
| - Công ty TNHH Thương mại<br>Dịch vụ Bảo Duy Trung                      | 12.299.600                      | -                               | 12.299.600           | -               |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá<br/>nhân khác</i>                         | 406.733.291                     | -                               | 505.409.401          | -               |
| <b>Cộng</b>   | <b>7.064.953.205</b>            | <b>-</b>                        | <b>3.740.049.922</b> | <b>-</b>        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

|                           | Số cuối kỳ            |          | Số đầu năm            |          |
|---------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                           | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu   | 707.140.057           | -        | 565.168.740           | -        |
| - Công cụ, dụng cụ        | -                     | -        | -                     | -        |
| - Hàng hóa <sup>(*)</sup> | 63.546.743.499        | -        | 27.838.722.758        | -        |
| <b>Cộng</b>               | <b>64.253.883.556</b> | <b>-</b> | <b>28.403.891.498</b> | <b>-</b> |

<sup>(\*)</sup> Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu và xe máy.**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | Số cuối kỳ        | Số đầu năm        |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 52.434.250        | 63.137.000        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>52.434.250</b> | <b>63.137.000</b> |

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

|   | Số cuối kỳ           | Số đầu năm        |
|---|----------------------|-------------------|
| - Công cụ dụng cụ sử dụng của nhà hàng Rose | 1.154.829.707        | -                 |
| - Chi phí trả trước dài hạn khác            | 32.562.167           | 50.323.337        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>1.187.391.874</b> | <b>50.323.337</b> |

**8. Tài sản dài hạn khác**

|   | Số cuối kỳ         | Số đầu năm         |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh <sup>(1)</sup> | 702.963.785        | 721.626.545        |
| <b>Cộng</b>   | <b>702.963.785</b> | <b>721.626.545</b> |

<sup>(1)</sup> Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận cố định hàng tháng với số tiền là 174.554.545 đồng (tổng lợi ích đã ghi nhận trong kỳ là 1.047.327.270 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

|  | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải, truyền<br>dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng                  |
|--|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                           |                        |                                       |                                 |                       |
| Số đầu năm                               | 53.104.001.530            | 16.309.890.554         | 9.433.267.843                         | 359.926.294                     | 79.207.086.221        |
| Mua trong kỳ                             | -                         | 353.067.636            | 882.636.364                           | 100.000.000                     | 1.335.704.000         |
| Đầu tư XDCB hoàn thành                   | 4.942.477.488             | 1.790.000.182          | 1.819.912.546                         | -                               | 8.552.390.216         |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                         | -                      | (372.000.000)                         | -                               | (372.000.000)         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>58.046.479.018</b>     | <b>18.452.958.372</b>  | <b>11.763.816.753</b>                 | <b>459.926.294</b>              | <b>88.723.180.437</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                           |                        |                                       |                                 |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn<br>còn sử dụng | 8.218.297.373             | 5.500.320.373          | 2.174.738.024                         | 251.017.203                     | 16.144.372.973        |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                           |                        |                                       |                                 |                       |
| Số đầu năm                               | 22.870.303.808            | 9.651.597.981          | 6.516.878.151                         | 269.168.715                     | 39.307.948.655        |
| Khấu hao trong kỳ                        | 1.951.470.714             | 1.149.734.230          | 618.257.646                           | 15.696.967                      | 3.735.159.557         |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                         | -                      | (372.000.000)                         | -                               | (372.000.000)         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>24.821.774.522</b>     | <b>10.801.332.211</b>  | <b>6.763.135.797</b>                  | <b>284.865.682</b>              | <b>42.671.108.212</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                           |                        |                                       |                                 |                       |
| Số đầu năm                               | 30.233.697.722            | 6.658.292.573          | 2.916.389.692                         | 90.757.579                      | 39.899.137.566        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>33.224.704.496</b>     | <b>7.651.626.158</b>   | <b>5.000.680.956</b>                  | <b>175.060.612</b>              | <b>46.052.072.225</b> |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 3.790.166.613 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam (xem tại thuyết minh mục V.19).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

|  | Quyền sử<br>dụng đất lâu<br>dài | Quyền sử<br>dụng đất có<br>thời hạn | Phần mềm<br>kế toán       | Cộng                         |
|--|---------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                                 |                                     |                           |                              |
| Số đầu năm                               | 16.573.125.036                  | 42.780.692.167                      | 298.620.000               | 59.652.437.203               |
| Mua trong kỳ                             | -                               | -                                   | -                         | -                            |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                               | -                                   | -                         | -                            |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b><u>16.573.125.036</u></b>    | <b><u>42.780.692.167</u></b>        | <b><u>298.620.000</u></b> | <b><u>59.652.437.203</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                                 |                                     |                           |                              |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng |                                 |                                     | 121.200.000               | 121.200.000                  |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                                 |                                     |                           |                              |
| Số đầu năm                               | -                               | 5.124.417.313                       | 140.913.332               | 5.265.330.645                |
| Khấu hao trong kỳ                        | -                               | 609.807.186                         | 29.569.998                | 639.377.184                  |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                               | -                                   | -                         | -                            |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>-</b>                        | <b><u>5.734.224.499</u></b>         | <b><u>170.483.330</u></b> | <b><u>5.904.707.829</u></b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                                 |                                     |                           |                              |
| Số đầu năm                               | <u>16.573.125.036</u>           | <u>37.656.274.854</u>               | <u>157.706.668</u>        | <u>54.387.106.558</u>        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b><u>16.573.125.036</u></b>    | <b><u>37.046.467.668</u></b>        | <b><u>128.136.670</u></b> | <b><u>53.747.729.374</u></b> |

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 2.300.878.928 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (xem tại thuyết minh mục V.19).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Bất động sản đầu tư****11a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

|                                    | Nhà cửa, vật kiến trúc | Cộng                  |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                  |                        |                       |
| Số đầu năm                         | 32.608.661.486         | 32.608.661.486        |
| Mua trong kỳ                       | -                      | -                     |
| Thanh lý, nhượng bán               | -                      | -                     |
| <b>Số cuối kỳ</b>                  | <b>32.608.661.486</b>  | <b>32.608.661.486</b> |
| <i>Trong đó:</i>                   |                        |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê | 976.409.097            | 976.409.097           |
| <b>Giá trị hao mòn</b>             |                        |                       |
| Số đầu năm                         | 5.820.292.751          | 5.820.292.751         |
| Khấu hao trong kỳ                  | 672.916.626            | 672.916.626           |
| Thanh lý, nhượng bán               | -                      | -                     |
| <b>Số cuối kỳ</b>                  | <b>6.493.209.377</b>   | <b>6.493.209.377</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>             |                        |                       |
| Số đầu năm                         | 26.788.368.735         | 26.115.452.109        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                  | <b>26.115.452.109</b>  | <b>26.115.452.109</b> |

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

**Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:**

|  | Nguyên giá            | Hao mòn lũy kế       | Giá trị còn lại       |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| - Trung tâm điện máy 30/4              | 18.966.327.281        | 2.655.285.821        | 16.311.041.460        |
| - Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức | 12.151.404.226        | 2.511.290.218        | 9.640.114.008         |
| - Kho 60/6 Truong Tre                  | 924.571.597           | 924.571.597          | -                     |
| - Nhà kho – Trung tâm điện máy 30/4    | 461.115.262           | 322.779.678          | 138.335.584           |
| - Cửa hàng trung bày Dương Văn Cam     | 53.405.620            | 27.444.560           | 25.961.060            |
| - Cửa hàng 2/9 chợ Bà Chiểu            | 51.837.500            | 51.837.500           | -                     |
| <b>Cộng</b>                            | <b>32.608.661.486</b> | <b>6.493.209.374</b> | <b>26.115.452.112</b> |

**Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:**

|   | 6 tháng đầu năm 2015 | 6 tháng đầu năm 2014 |
|---|----------------------|----------------------|
| Thu nhập từ việc cho thuê   | 2.437.494.008        | 3.228.411.572        |
| Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê       | 672.916.626          | 707.716.441          |
| Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | -                    | -                    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u>    |
|--|----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định                                  | 234.929.636          | (2.864.686.910)                   | (3.099.616.546)                     | -                    |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                  | 4.127.446.160        | (5.736.173.948)                   | (8.074.273.315)                     | 1.789.346.793        |
| - Chung cư 27 đường số 9, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức | 1.624.353.483        | -                                 | -                                   | 1.624.353.483        |
| - Cài tạo, sửa chữa CHXD 18                              | -                    | (164.993.310)                     | -                                   | 164.993.310          |
| - Cài tạo 746 Kha Vạn Cân                                | 2.503.092.677        | (5.571.180.638)                   | (8.074.273.315)                     | -                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.362.375.796</b> | <b>(8.600.860.858)</b>            | <b>(11.173.889.861)</b>             | <b>1.789.346.793</b> |

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                       | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>     | <b>35.916.705.684</b> | <b>23.729.024.236</b> |
| - Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 34.921.778.424        | 10.553.708.424        |
| - Công ty TNHH MTV TMDV Song Đức      | 460.611.510           | -                     |
| - Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC    | 391.179.750           | -                     |
| - Công ty CP địa ốc 9                 | 143.136.000           | 143.136.000           |
| - Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC       | -                     | 13.032.179.812        |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b> | <b>2.750.469.751</b>  | <b>6.644.525.832</b>  |
| - Công ty TNHH Thép Vinakyoei         | 1.375.759.990         | 5.096.570.050         |
| - Công ty Honda Việt Nam              | 676.272.457           | 714.275.194           |
| - Các nhà cung cấp khác               | 698.437.304           | 833.680.588           |
| <b>Cộng</b>                           | <b>38.667.175.435</b> | <b>30.373.550.068</b> |

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|-----------------------|----------------------|
| <b>Trả trước của các bên liên quan</b>   | <b>41.129.486.558</b> | <b>5.497.567.282</b> |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC            | 35.676.864.038        | -                    |
| Công ty TNHH MTV TMDV Song Đức           | 5.452.622.520         | 5.497.567.282        |
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b> | <b>626.780.452</b>    | <b>409.249.468</b>   |
| <b>Cộng</b>                              | <b>41.756.267.010</b> | <b>5.906.816.750</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                              | Số đầu năm           |          | Số phát sinh trong kỳ |                        | Số cuối kỳ           |          |
|------------------------------|----------------------|----------|-----------------------|------------------------|----------------------|----------|
|                              | Phải nộp             | Phải thu | Số phải nộp           | Số đã nộp              | Phải nộp             | Phải thu |
| - Thuế GTGT hàng bán nội địa | 5.614.426            | -        | 710.760.162           | (654.778.228)          | 61.596.360           | -        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 654.301.948          | -        | 2.771.891.386         | (1.543.153.230)        | 1.883.040.104        | -        |
| - Thuế thu nhập cá nhân      | 117.947.930          | -        | 370.471.082           | (474.033.017)          | 14.385.995           | -        |
| - Thuế nhà đất, thuế đất     | 820.036.200          | -        | 849.488.170           | (1.669.524.370)        | -                    | -        |
| - Thuế môn bài               | -                    | -        | 17.000.000            | (17.000.000)           | -                    | -        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>1.597.900.504</b> | <b>-</b> | <b>4.719.610.800</b>  | <b>(4.358.488.845)</b> | <b>1.959.022.459</b> | <b>-</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|  | 6 tháng đầu năm 2015 | 6 tháng đầu năm 2014 |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 21.979.303.884       | 12.611.279.012       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                      |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 305.178.851          | 194.227.300          |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ   | 305.178.851          | 194.227.300          |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | (9.684.976.432)      | (6.399.864.023)      |
| + Cổ tức nhận được   | (9.684.976.432)      | (6.399.864.023)      |
| Thu nhập chịu thuế   | 12.599.506.303       | 6.405.645.289        |
| Thu nhập được miễn thuế  | -                    | -                    |
| Lỗi các năm trước được chuyển  | -                    | -                    |
| Thu nhập tính thuế   | 12.599.506.303       | 6.405.645.289        |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 22%                  | 22%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                      | <b>2.771.891.386</b> | <b>1.409.241.965</b> |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>  | <b>-</b>             | <b>-</b>             |
| <b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>  | <b>2.771.891.386</b> | <b>1.409.241.965</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Phải trả người lao động**

Quỹ lương của Công ty được thực hiện tạm trích theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 13/QĐ-HĐQT ngày 14/07/2015. Cụ thể, Công ty đã tạm trích chi phí lương trong kỳ theo tỷ lệ Doanh thu thực hiện trong kỳ so với Doanh thu kế hoạch cả năm.

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn****17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>  | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>                        | -                  | -                 |
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>              | 312.000.000        | -                 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư | 312.000.000        | -                 |
| <b>Cộng</b>  | <b>312.000.000</b> | <b>-</b>          |

**17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|----------------------|-----------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>              | -                    | -                     |
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>    | 8.976.973.292        | 10.627.272.745        |
| - Ngân hàng TMCP Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư | 8.976.973.292        | 10.627.272.745        |
| <b>Cộng</b>  | <b>8.976.973.292</b> | <b>10.627.272.745</b> |

**18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>              | 3.478.765.970        | 1.990.000.000        |
| - Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư            | 1.500.000.000        | 1.500.000.000        |
| - Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức | 1.978.765.970        | 490.000.000          |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>     | 3.989.931.589        | 2.833.333.018        |
| - Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp           | 27.828               | -                    |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                | 2.603.427.066        | 2.449.238.121        |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả                   | 1.146.436.059        | 281.510.541          |
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác             | 240.040.636          | 102.584.356          |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>7.468.697.559</b> | <b>4.823.333.018</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18b. Phải trả dài hạn khác**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                                       | <b>10.000.000.000</b>        | <b>10.000.000.000</b>        |
| - Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư – phải trả tiền nhận ký quỹ dài hạn | 10.000.000.000               | 10.000.000.000               |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>                             |                              |                              |
| - Đoàn Vĩnh Nam <sup>(1)</sup>  | 700.000.000                  | 700.000.000                  |
| - Nguyễn Thị Nghiệp <sup>(2)</sup>                                      | 71.349.486                   | 71.349.486                   |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>10.771.349.486</u></b> | <b><u>10.771.349.486</u></b> |

<sup>(1)</sup> Là khoản nhận vốn góp liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 262/HĐKT ngày 22 tháng 10 năm 2014, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 50% và chia cho ông Đoàn Vĩnh Nam là 50%.

<sup>(2)</sup> Là khoản nhận vốn góp liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho bà Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>            |                              | <u>Số đầu năm</u>            |                              |
|--|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|  | <u>Giá trị</u>               | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u>               | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| <b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>                         | <b>10.053.739.234</b>        | <b>10.053.739.234</b>        | <b>10.229.484.014</b>        | <b>10.229.484.014</b>        |
| - Vay của các cá nhân  | 10.053.739.234               | 10.053.739.234               | 10.229.484.014               | 10.229.484.014               |
| <b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>               | <b>15.477.415.800</b>        | <b>15.477.415.800</b>        | <b>24.908.430.000</b>        | <b>24.908.430.000</b>        |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Sài Gòn <sup>(1)</sup> | 15.477.415.800               | 15.477.415.800               | 10.000.000.000               | 10.000.000.000               |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Sài Gòn       | -                            | -                            | 10.000.000.000               | 10.000.000.000               |
| - Ngân hàng TMCP Bản Việt – CN Sài Gòn                                 | -                            | -                            | 4.908.430.000                | 4.908.430.000                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>25.531.155.034</u></b> | <b><u>25.531.155.034</u></b> | <b><u>35.137.914.014</u></b> | <b><u>35.137.914.014</u></b> |

<sup>(1)</sup> Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 06/015-HĐTDHM/NHCT946-TIMEXCO ngày 23/06/2015; Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng 06/2014-HĐTDHM/NHT946-TIMEXCO ngày 17/06/2014); Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay này là 3.790.166.613 đồng (xem thuyết minh tại thuyết minh mục V.9).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay này là 2.300.878.928 đồng (xem tại thuyết minh mục V.10).

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:**

|                          | Số tiền vay           |                        |                             |                       |
|--------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------|
|                          | Số đầu năm            | phát sinh trong kỳ     | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ            |
| Vay ngắn hạn ngân hàng   | 24.908.430.000        | 375.113.741.370        | (384.544.755.570)           | 15.477.415.800        |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 10.229.484.014        | 2.267.319.655          | (2.443.064.435)             | 10.053.739.234        |
| <b>Cộng</b>              | <b>35.137.914.014</b> | <b>377.381.061.025</b> | <b>(386.987.820.005)</b>    | <b>25.531.155.034</b> |

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                           | Tăng do trích lập từ lợi nhuận |                        |                    |                    |
|---------------------------|--------------------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
|                           | Số đầu năm                     | Chi quỹ trong kỳ       | Số cuối kỳ         | Số cuối kỳ         |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431.919.139                    | (1.166.937.175)        | 955.298.766        | 955.298.766        |
| <b>Cộng</b>               | <b>431.919.139</b>             | <b>(1.166.937.175)</b> | <b>955.298.766</b> | <b>955.298.766</b> |

**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|  | Số cuối kỳ             |            | Số đầu năm             |            |
|--|------------------------|------------|------------------------|------------|
|  | Vốn cổ phần thường     | Tỷ lệ (%)  | Vốn cổ phần thường     | Tỷ lệ (%)  |
| - Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL) | 63.057.300.000         | 50,85      | 63.057.300.000         | 50,85      |
| - Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh             | 18.471.600.000         | 14,90      | 18.471.600.000         | 14,90      |
| - Vốn góp của các đối tượng khác                       | 42.471.100.000         | 34,25      | 42.471.100.000         | 34,25      |
| <b>Cộng</b>  | <b>124.000.000.000</b> | <b>100</b> | <b>124.000.000.000</b> | <b>100</b> |

**Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

|             | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |                          |          |
|-------------|---|--------------------------|----------|
|             | Vốn điều lệ đã góp                        | Vốn điều lệ còn phải góp |          |
|             | 124.000.000.000                           | 124.000.000.000          | -        |
| <b>Cộng</b> | <b>124.000.000.000</b>                    | <b>124.000.000.000</b>   | <b>-</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                             | <u>Kỳ này</u>   | <u>Kỳ trước</u> |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                 |                 |
| + Vốn góp đầu năm           | 124.000.000.000 | 124.000.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong kỳ     | -               | -               |
| + Vốn góp giảm trong kỳ     | -               | -               |
| + Vốn góp cuối kỳ           | 124.000.000.000 | 124.000.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 7.440.000.000   | 11.160.000.000  |

**21d. Cổ phiếu**

|   | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                       |                   |                   |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng          | 12.400.000        | 12.400.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                                      | 12.400.000        | 12.400.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu) |                   |                   |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại                            |                   |                   |
| - Cổ phiếu phổ thông                                      |                   |                   |
| - Cổ phiếu ưu đãi   |                   |                   |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                           | 12.400.000        | 12.400.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                                      | 12.400.000        | 12.400.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi   |                   |                   |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

**21e. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**21f. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2014 ngày 28/03/2015 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 4.960.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển : 3.142.702.254

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền 2.480.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 09/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 04 năm 2015.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****22a. Tài sản nhận giữ hộ**

- Hàng hoá nhận giữ hộ cuối kỳ:
  - Xăng A92: 41.726 lít.
  - Xăng A95: 359 lít.
  - Xăng E5: 1.600 lít.
  - Dầu DO 0,05%: 11.779 lít.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                                   | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |
|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| - Doanh thu bán hàng hóa          | 569.234.649.035                 | 658.008.468.230                 |
| +Doanh thu bán xăng dầu           | 499.300.820.523                 | 576.255.055.171                 |
| +Doanh thu bán xe máy             | 51.271.785.733                  | 55.073.704.920                  |
| +Doanh thu bán sắt thép           | 18.662.042.779                  | 26.679.708.139                  |
| - Doanh thu dịch vụ               | 896.422.268                     | -                               |
| +Doanh thu dịch vụ tiệc cưới      | 896.422.268                     | -                               |
| - Doanh thu cho thuê bất động sản | 5.824.028.629                   | 5.639.785.124                   |
| - Doanh thu khác                  | 97.287.266                      | 237.198.599                     |
| <b>Cộng</b>                       | <b>576.052.387.198</b>          | <b>663.885.451.953</b>          |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

**2. Giá vốn hàng bán**

|  | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán              | 520.903.713.396                 | 637.370.458.814                 |
| +Giá vốn bán xăng dầu                      | 457.951.439.330                 | 560.837.975.863                 |
| +Giá vốn bán xe máy                        | 45.592.307.592                  | 50.799.244.578                  |
| +Giá vốn bán sắt thép                      | 17.359.966.474                  | 25.733.238.373                  |
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp          | 89.980.000                      | -                               |
| +Giá vốn dịch vụ tiệc cưới                 | 89.980.000                      | -                               |
| - Chi phí kinh doanh cho thuê bất động sản | 1.339.034.676                   | 1.380.794.454                   |
| - Hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức      | 47.968.604                      | -                               |
| - Giá vốn các hoạt động khác               | 91.785.926                      | 222.089.997                     |
| <b>Cộng</b>                                | <b>522.472.482.602</b>          | <b>638.973.343.265</b>          |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|  | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Lãi tiền gửi có kỳ hạn                               | 22.717.689                      | 113.134.223                     |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia                          | 9.684.976.432                   | 6.399.864.023                   |
| - Lãi bán hàng trả chậm                                | 26.280.000                      | 7.626.000                       |
| - Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác | 46.214.754                      | 173.853.267                     |
| - Doanh thu tài chính khác                             | 1.056.984.367                   | 1.003.830.360                   |
| <b>Cộng</b>  | <b>10.837.173.242</b>           | <b>7.698.307.873</b>            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

|   | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chi phí lãi vay   | 1.121.783.309                   | 1.213.080.701                   |
| - Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác                   | 10.915.701                      | 246.744.657                     |
| - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư           | 2.381.263.823                   | 600.000.000                     |
| - Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | (265.051.962)                   | (294.013.102)                   |
| - Chi phí tài chính khác  | 33.157.460                      | 30.219.760                      |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.282.068.331</b>            | <b>1.796.032.016</b>            |

**5. Chi phí bán hàng**

|                                    | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chi phí cho nhân viên            | 16.910.710.232                  | 8.898.691.318                   |
| - Chi phí vật liệu, bao bì         | 955.801.837                     | 1.268.534.689                   |
| - Chi phí dụng cụ, đồ dung         | 916.699.273                     | 560.891.963                     |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.259.233.878                   | 2.958.146.970                   |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 3.142.024.113                   | 2.621.359.814                   |
| - Các chi phí khác                 | 430.566.727                     | 592.515.249                     |
| <b>Cộng</b>                        | <b>25.615.036.060</b>           | <b>16.900.140.003</b>           |

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 9.698.287.383                   | 5.214.505.397                   |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 87.228.595                      | 159.462.168                     |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 125.992.631                     | 237.840.511                     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 177.576.287                     | 87.811.848                      |
| Thuế, phí và lệ phí              | 1.042.714.180                   | 1.253.945.245                   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.783.473.872                   | 1.540.084.171                   |
| Các chi phí khác                 | 688.206.498                     | 446.124.457                     |
| <b>Cộng</b>                      | <b>13.603.479.446</b>           | <b>8.939.773.797</b>            |

**7. Thu nhập khác**

|  | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2014</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Thu nhập từ nhượng bán bất động sản đầu tư | -                               | 5.818.820.243                   |
| - Thu nhập khác                              | 293.615.701                     | 1.817.988.105                   |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>293.615.701</b>              | <b>7.636.808.348</b>            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

|                | 6 tháng đầu<br>năm 2015 | 6 tháng đầu<br>năm 2014 |
|----------------|-------------------------|-------------------------|
| - Chi phí khác | 230.805.818             | 81                      |
| <b>Cộng</b>    | <b>230.805.818</b>      | <b>81</b>               |

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                    | 6 tháng đầu<br>năm 2015 | 6 tháng đầu<br>năm 2014 |
|------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 2.127.664.159           | 1.979.239.831           |
| - Chi phí nhân công                | 26.094.594.825          | 13.987.346.865          |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.047.453.367           | 4.426.753.272           |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 6.502.001.985           | 6.019.90.245            |
| - Chi phí khác                     | 785.835.846             | 816.978.041             |
| <b>Cộng</b>                        | <b>40.557.550.182</b>   | <b>27.220.708.254</b>   |

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

|             | Số tiền              |
|-------------|----------------------|
| Lương       | 1.455.617.000        |
| Thưởng      | 281.478.000          |
| Thù lao     | 219.600.000          |
| Khác        | 49.602.000           |
| <b>Cộng</b> | <b>2.006.297.000</b> |

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>                                  | <b>Mối quan hệ</b>  |
|--|---|
| - Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức             | Là công ty con (Công ty chiếm 100% vốn điều lệ công ty con) |
| - Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư                        | Là công ty con (Công ty chiếm 100% vốn điều lệ công ty con) |
| - Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC                            | Là công ty con (Công ty chiếm 100% vốn điều lệ công ty con) |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duy Trung            | Là công ty con (Công ty chiếm 100% vốn điều lệ công ty con) |
| - Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt | Là công ty con (chiếm 83,33% vốn điều lệ công ty con)       |
| - Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)     | Là công ty mẹ (chiếm 50,85% vốn)                            |



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### Bên liên quan khác

- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC

#### Mối quan hệ

điều lệ của Công ty)  
Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ) của Công ty)  
Công ty có đầu tư chứng khoán vào công ty SMC

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

|  | <u>6 tháng đầu<br/>năm 2015</u> | <u>6 tháng đầu<br/>năm 2014</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)<br><i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng</i> | 462.797.249.092                 | 529.431.672.731                 |
| - Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC<br><i>Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng</i>                    | 5.682.526.650                   | 4.631.672.600                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Báo cáo bộ phận***- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**6 tháng đầu năm 2015*

| Chỉ tiêu                                      | Xăng dầu        | Sắt thép       | Xe gắn máy     | Cho thuê cơ sở hạ tầng, khác | Cộng            |
|---|-----------------|----------------|----------------|------------------------------|-----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 499.300.820.523 | 18.662.042.779 | 51.271.785.733 | 6.817.738.163                | 576.052.387.198 |
| Giá vốn hàng bán                              | 457.951.439.330 | 17.359.966.474 | 45.592.307.592 | 1.568.769.206                | 522.472.482.602 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 41.349.381.193  | 1.302.076.305  | 5.679.478.141  | 5.248.968.957                | 53.579.904.596  |
| Tỷ lệ lãi gộp                                 | 8,28%           | 6,98%          | 11,08%         | 76,99%                       | 9,30%           |

*6 tháng đầu năm 2014*

| Chỉ tiêu                                      | Xăng dầu        | Vật liệu xây dựng | Xe gắn máy     | Cho thuê cơ sở hạ tầng, khác | Cộng            |
|---|-----------------|-------------------|----------------|------------------------------|-----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 576.255.055.171 | 26.679.708.139    | 55.073.704.920 | 5.876.983.723                | 663.885.451.953 |
| Giá vốn hàng bán                              | 560.837.975.863 | 25.733.238.373    | 50.799.244.578 | 1.602.884.451                | 638.973.343.265 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 15.417.079.308  | 946.469.766       | 4.274.460.342  | 4.274.099.272                | 24.912.108.688  |
| Tỷ lệ lãi gộp                                 | 2,68%           | 3,55%             | 7,76%          | 72,73%                       | 3,75%           |

*- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Số liệu so sánh****3a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

**3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

|   | Mã số | Số liệu trước<br>điều chỉnh | Các điều chỉnh   | Số liệu sau điều<br>chỉnh |
|---|-------|-----------------------------|------------------|---------------------------|
|   | (1)   | (2)                         | (3)              | (2)+(3)                   |
| <b>Bảng cân đối kế toán</b>                   |       |                             |                  |                           |
| - Chứng khoán kinh doanh                      | 121   | 11.481.666.342              | 23.529.601.450   | 35.011.267.792            |
| - Dự phòng giảm giá chứng<br>khoán kinh doanh | 122   | (6.264.324.104)             | (3.495.683.491)  | (9.760.007.595)           |
| - Phải thu ngắn hạn khác                      | 136   | 3.592.063.723               | 147.986.199      | 3.740.049.922             |
| - Tài sản thiếu chờ xử lý                     | 139   | -                           | 38.013.801       | 38.013.801                |
| - Tài sản ngắn hạn khác                       | 155   | 186.000.000                 | (186.000.000)    | -                         |
| - Đầu tư góp vốn vào đơn vị<br>khác           | 253   | 24.341.227.995              | (24.251.227.995) | 90.000.000                |
| - Dự phòng đầu tư tài chính<br>dài hạn        | 254   | (4.032.736.744)             | 3.495.683.491    | (537.053.253)             |
| - Tài sản dài hạn khác                        | 268   | -                           | 721.626.545      | 721.626.545               |
| - Quỹ đầu tư phát triển                       | 418   | 5.239.716.448               | 7.778.150.727    | 13.017.867.175            |
| - Quỹ dự phòng tài chính                      |       | 7.778.150.727               | (7.778.150.727)  | -                         |
| <b>Kết quả kinh doanh</b>                     |       |                             |                  |                           |
| - Thu nhập khác                               | 31    | 15.159.661.742              | (7.522.853.394)  | 7.636.808.348             |
| - Chi phí khác                                | 32    | 7.522.853.475               | (7.522.853.394)  | 81                        |

**4. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.19). Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp này tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 6.091.045.541 đồng.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 14/07/2015, Công ty đã thực hiện thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc. Ông Ma Đức Tú được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị thay cho ông Nguyễn Hữu Thành từ ngày 16/07/2015 và ông Hoàng Đình Sơn được bổ nhiệm làm Giám đốc, người đại diện pháp luật từ ngày 16/07/2015.

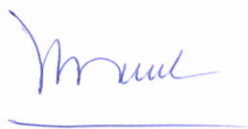
Ngày 21/07/2015, Công ty thực hiện thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 18, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.

**VIII. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

| Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | 6 tháng đầu năm 2015 | 6 tháng đầu năm 2014 |
|---|-------------|----------------------|----------------------|
| <b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>      |             |                      |                      |
| <b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>                 |             |                      |                      |
| - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản                  | %           | 41,89                | 43,91%               |
| - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản                   | %           | 58,11                | 56,09%               |
| <b>1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>               |             |                      |                      |
| - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn                     | %           | 44,74                | 47,56%               |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn            | %           | 55,26                | 52,44%               |
| <b>2. Khả năng thanh toán</b>                     |             |                      |                      |
| 2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn                 | Lần         | 1,08                 | 1,00                 |
| 2.2. Khả năng thanh toán nhanh                    | Lần         | 0,59                 | 0,33                 |
| 2.3. Khả năng thanh toán tức thời                 | Lần         | 0,06                 | 0,16                 |
| <b>3. Tỷ suất sinh lời</b>                        |             |                      |                      |
| - Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần      | %           | 9,30                 | 1,20                 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần | %           | 3,33                 | 0,96                 |
| - Doanh thu thuần trên tổng tài sản               | %           | 183,97               | 356,11               |
| - Tỷ suất sinh lời trên tài sản                   | %           | 6,13                 | 4,74                 |
| - Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu            | %           | 10,44                | 4,29                 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**  
 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

| Chỉ tiêu                                    | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng            |
|---|---------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------|
| A   | 1                         | 2                    | 3                     | 4                                 | 5               |
| <b>1. Số dư đầu năm trước</b>               | 124.000.000.000           | 27.458.121.096       | 11.620.565.615        | 14.296.456.563                    | 177.375.143.274 |
| <b>2. Tăng trong năm trước</b>              | -                         | -                    | 1.397.301.560         | 21.580.309.359                    | 22.977.610.919  |
| - Lợi nhuận tăng                            | -                         | -                    | -                     | 21.580.309.359                    | 21.580.309.359  |
| - Bổ sung từ lợi nhuận                      | -                         | -                    | 1.397.301.560         | -                                 | 1.397.301.560   |
| <b>3. Giảm trong năm trước</b>              | -                         | -                    | -                     | 20.690.749.031                    | 20.690.749.031  |
| - Trích Quỹ đầu tư phát triển               | -                         | -                    | -                     | 1.397.301.560                     | 1.397.301.560   |
| - Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi            | -                         | -                    | -                     | 1.088.311.879                     | 1.088.311.879   |
| - Chia cổ tức                               | -                         | -                    | -                     | 17.360.000.000                    | 17.360.000.000  |
| - Thù lao và thưởng HĐQT và BKS             | -                         | -                    | -                     | 447.552.374                       | 447.552.374     |
| - Chia lợi nhuận cho bên liên doanh         | -                         | -                    | -                     | 397.583.218                       | 397.583.218     |
| <b>4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay</b> | 124.000.000.000           | 27.458.121.096       | 13.017.867.175        | 15.186.016.891                    | 179.662.005.162 |
| <b>5. Tăng trong kỳ này</b>                 | -                         | -                    | 3.142.702.254         | 19.207.412.498                    | 22.350.114.752  |
| - Lãi trong kỳ                              | -                         | -                    | -                     | 19.207.412.498                    | 19.207.412.498  |
| - Bổ sung từ lợi nhuận                      | -                         | -                    | 3.142.702.254         | -                                 | 3.142.702.254   |
| <b>6. Giảm trong kỳ này</b>                 | -                         | -                    | -                     | 13.841.797.267                    | 13.841.797.267  |
| - Trích Quỹ đầu tư phát triển               | -                         | -                    | -                     | 3.142.702.254                     | 3.142.702.254   |
| - Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi            | -                         | -                    | -                     | 1.652.336.802                     | 1.652.336.802   |
| - Chia cổ tức                               | -                         | -                    | -                     | 7.440.000.000                     | 7.440.000.000   |
| - Thù lao và thưởng HĐQT và BKS             | -                         | -                    | -                     | 276.400.000                       | 276.400.000     |
| - Chia lợi nhuận cho bên liên doanh (*)     | -                         | -                    | -                     | 1.330.358.211                     | 1.330.358.211   |

|                      |                 |                |                |                |                 |
|----------------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|
| 7. Số dư cuối kỳ này | 124.000.000.000 | 27.458.121.096 | 16.160.569.429 | 20.551.632.122 | 188.170.322.647 |
|----------------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|

(\* ) Là khoản chia lợi nhuận cho các bên liên doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới)

Chi tiết gồm:

- Ông Đoàn Vĩnh Nam (1) 1.177.734.866
- Bà Nguyễn Thị Nghiệp (2) 152.623.345
- Cộng 1.330.358.211

(2) Lợi nhuận chia cho bên liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 262/HĐKT ngày 22 tháng 10 năm 2014 với ông Đoàn Vĩnh Nam, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Toàn bộ hoạt động được Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức theo dõi và hạch toán. Tỷ lệ phần chia kết quả sau thuế cho mỗi bên là 50%.

(3) Lợi nhuận chia cho bên liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000 với bà Nguyễn Thị Nghiệp, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Toàn bộ hoạt động được Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức theo dõi và hạch toán. Tỷ lệ phần chia kết quả sau thuế TNDN như sau: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hưởng 71,5% và bà Nguyễn Thị Nghiệp hưởng 28,5%.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH



HOÀNG ĐÌNH SƠN